Viettronics THỦ ĐỨC

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

DVD HDMI KARAOKE
iK-14xx

CÔNG TY CỔ PHẦN VIETTRONICS THỦ ĐỨC
ĐC: 30 Đỗ Xuân Hợp, P. Phước Long A, Q.9, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
ĐT: (08) 3731 3563 - Fax: (08) 3731 3088

CHÚ

NGUY HIỂM ĐIỆN GIẬT
KHÔNG ĐƯỢC MỞ NẮP

Để tránh bị điện giật không được mở nắp máy. Không tự chạm vào sửa chữa các chi tiết bên trong máy. Việc sửa chữa phải do người có chuyên môn đảm trách.

Cảnh báo người sử dụng có điện áp nguy hiểm bên trong máy có thể gây điện giật cho người nếu chạm phải.

Người sử dụng lưu ý phải tuân thủ đúng các hướng dẫn sử dụng và bảo trì trong tài liệu hướng dẫn sử dụng đi kèm với máy.

♦ Lưu :

• Không được làm máy ướt để tránh gây cháy hoặc điện giật.
• Máy có sử dụng tia lazer. Tia lazer này có thể gây tổn thương cho mắt nếu chiếu vào mắt trực tiếp.
• Không để chất lỏng đổ hoặc văng vào máy, không để những vật chứa chất lỏng như lọ hoa trên máy.

♦ Hướng dẫn vệ sinh và an toàn:

– **Vệ sinh máy:**
• Làm thông các lỗ thông hơi của máy.
• Lau máy bằng vải mềm. Không sử dụng các dung môi tẩy rửa mạnh như benzene hoặc cồn. Không lau bằng vật liệu cứng, thô.

– **Sử dụng đĩa:**
• Giữ đĩa sạch, không để đĩa bị nắng chiếu vào.
• Không chạm vào bề mặt dữ liệu của đĩa (mặt không có in hình ảnh).
• Không làm trầy, bẻ cong đĩa.
• Luôn để đĩa vào hộp đĩa sau khi lấy ra khỏi khay đĩa của máy.
• Lau đĩa bằng vải mềm, lau từ trong ra ngoài. Không sử dụng dung môi tẩy rửa.

– **Nguồn điện:**
Máy sử dụng nguồn điện từ 100V đến 240V 50/60Hz.

– **Tiêu thụ điện:**
Khi máy ở chế độ chờ nó vẫn tiêu thụ điện. Để ngắt điện hoàn toàn phải rút dây nguồn ra khỏi ổ điện.

– **Tránh nhiệt độ cao, độ ẩm cao, nước và bụi:**
Không để máy, pin, đĩa nơi có nhiệt độ cao, mưa, cát và nơi quá nóng (gần bếp l , l s ưởi hoặc dưới nắng).

– **Không che kín các lỗ thông hơi:**
• Để máy nơi thông thoáng, phải có ít nhất 10cm khoảng không ở mỗi mặt của máy.
• Không đặt các vật nặng lên nắp máy để tránh nắp máy chạm vào đĩa hoặc mắt đọc.

A. GIỚI THIỆU CÁC TÍNH NĂNG CỦA MÁY

• Đọc được nhiều loại đĩa

Máy có thể đọc được nhiều loại đĩa bao gồm DVD video, MP4, SVCD, VCD, DVD ± R, DVD± RW, CD-R/RW, Audio CD, MP3 CD, MP4, đĩa hình JPEG.

• Midi Karaoke

Máy có thể phát được đĩa midi karaoke có thể chứa hơn 40.000 bài hát gồm tiếng Anh và tiếng Việt.

• Các tính năng cho karaoke

- 2 ngõ cắm micro.
- Echo kỹ thuật số.
- Tăng giảm tông nhạc .
- Tặng giảm nhịp điệu.
- Tắt/mở giai điệu.
- Chức năng chấm điểm.

• Các tính năng karaoke đặc biệt

- Các tính năng karaoke có thể sử dụng bằng các phím trên mặt trước máy.
- Mạch Echo được thiết kế đặc biệt dành riêng cho karaoke.
- Chọn bài hát dễ dàng và thuận tiện:
  - Chọn bằng danh mục bài hát được gửi kèm theo máy.
  - Chọn bằng danh mục bài hát trong danh sách hiển thị trên TV, có thể tìm bài hát theo thứ tự ABC.

• Tính năng kỹ thuật khác

- Giải mã Dolby Digital (AC-3), DTS.
- qphân gi ải HD.
- Ngõ ra âm thanh Optical (cáp quang), Coaxial, 5.1, Analog (2.CH).
- Ngõ ra hình Component (Y/Pb/Pr)/ S-Video/ Composite video/ HDMI.

- *Lưu* :

Thiết kế và các đặc tính kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần thông báo trước

B. CHI TIẾT

1. Phụ kiện kèm theo máy

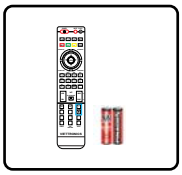

Remote và pin

Sách hướng dẫn sử dụng

Dây AV
(*) Dây HDMI

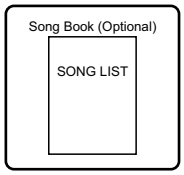

Sách danh mục bài hát

Đĩa karaoke

Phiếu bảo hành

Danh sách trạm bảo hành

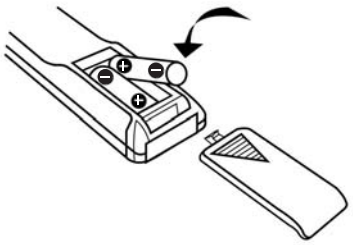

Chú khi s ử dụng remote:
- Phải sử dụng đúng loại pin kèm theo máy hoặc tương đương.
- Khi lắp pin chú l ắp đúng cực tính pin.
- Không sử dụng một pin cũ và một pin mới chung với nhau.
- Không nên sử dụng cùng lúc 2 pin nhãn hiệu khác nhau.
- Không quăng ném hoặc thả remote từ trên cao xuống.
- Khi không sử dụng trong thời gian dài nên lấy pin ra khỏi remote.
- Thay pin khi remote không điều khiển được.

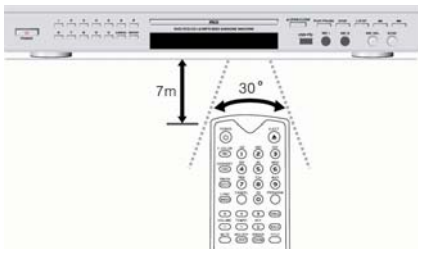

- Khi sử dụng remote, hướng remote đến vị trí nhận tín hiệu trên mặt máy. Khoảng cách từ remote đến máy không quá 7m, hợp với đường vuông góc mặt máy không quá 30° .

B. CHI TIẾT

2. Mô tả máy

2.1. Mặt trước

2.1.1. iK-1401 :

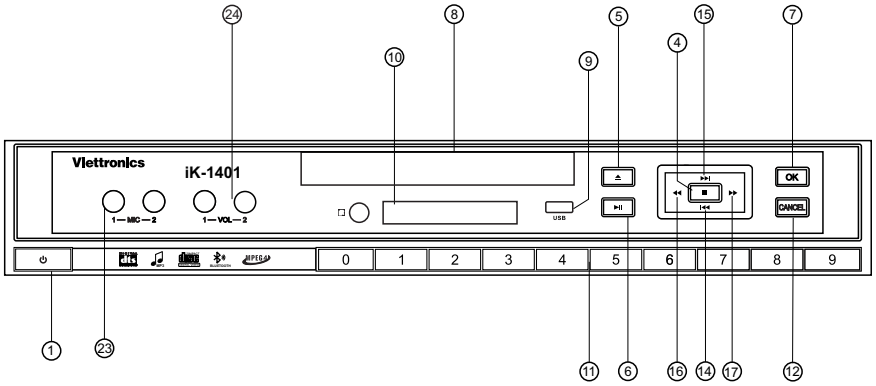

2.1.2. iK-1402 :

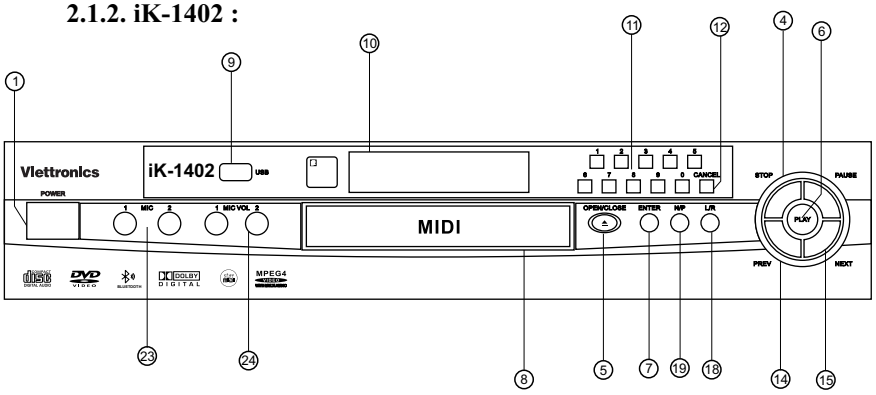

2.1.3. iK-1403 :

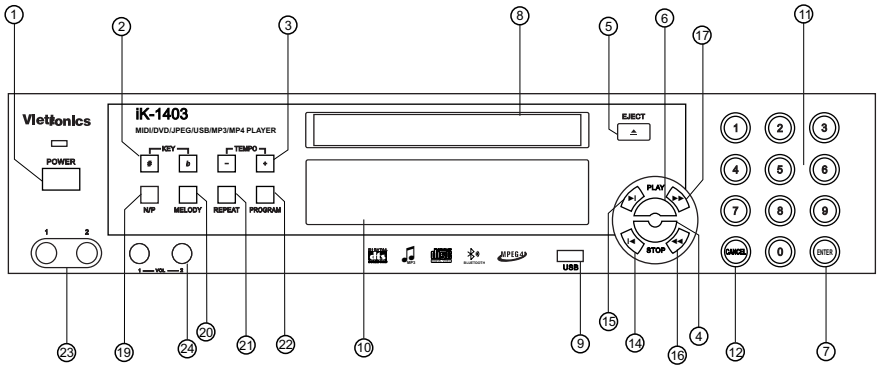

B. CHI TIẾT

2.1.4. iK-1404/ iK-1405 :

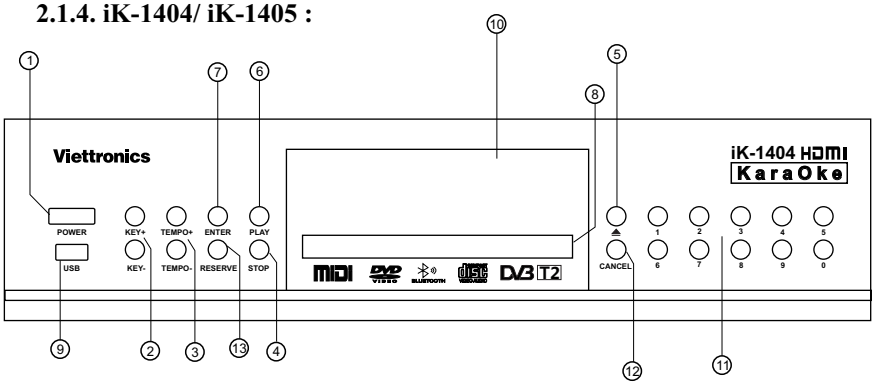

1. POWER : Tắt mở nguồn
2. KEY+/ - : Tăng/ giảm tông nhạc.
3. TEMPO +/ – : Tăng/ giảm nhịp điệu..
4. STOP: dừng phát đĩa.
5. OPEN/CLOSE : Đóng/ mở khay đĩa.
6. PLAY/PAUSE : Phát/ Tạm dừng .
7. ENTER : Dùng để xác nhận lựa chọn.
8. Khay đĩa.
9. Cổng USB.
10. Màn hình hiển thị
11. 0→9 : Các phím số để lựa chọn bài hát
12. CANCEL : Huỷ bỏ lựa chọn
13. RESERVE : Lưu bài hát
14. PREV : Phát bài trước đó
15. NEXT : Phát bài kế tiếp
16. REV : Phát lui nhanh
17. FWD : Phát tới nhanh
18. L/R : Chọn âm thanh ng ra trái/ ph ải
19. N/P : Chọn hệ màu NTSC/PAL
20. MELODY : Tắt/mở giai điệu bài hát hoặc lời ca sĩ
21. REPEAT : Lặp lại bài hát
22. PROGRAM : Cài đặt chương tr nh theo mu ốn
23. MIC : Nơi cắm Micro
24. MIC VOL : Điều chỉnh âm lượng Micro

B. CHI TIẾT

2.2 Mặt sau máy :

2.2.1. iK-1401 :

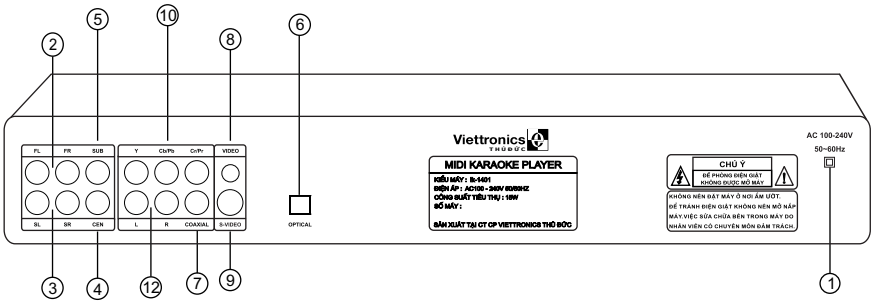

2.2.2. iK-1402/ iK-1403 :

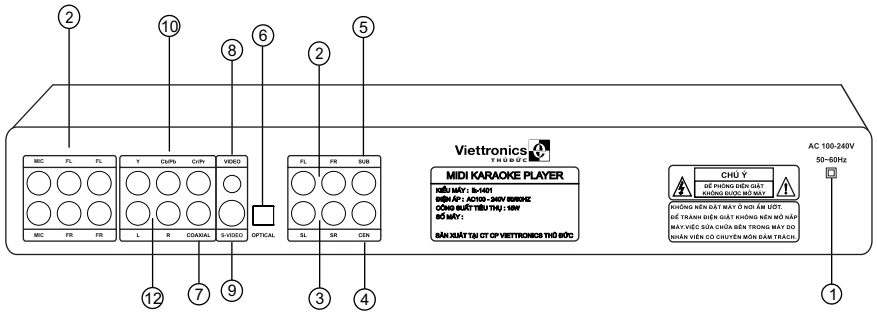

B. CHI TIẾT

2.2.3. iK-1404/ iK-1405 :

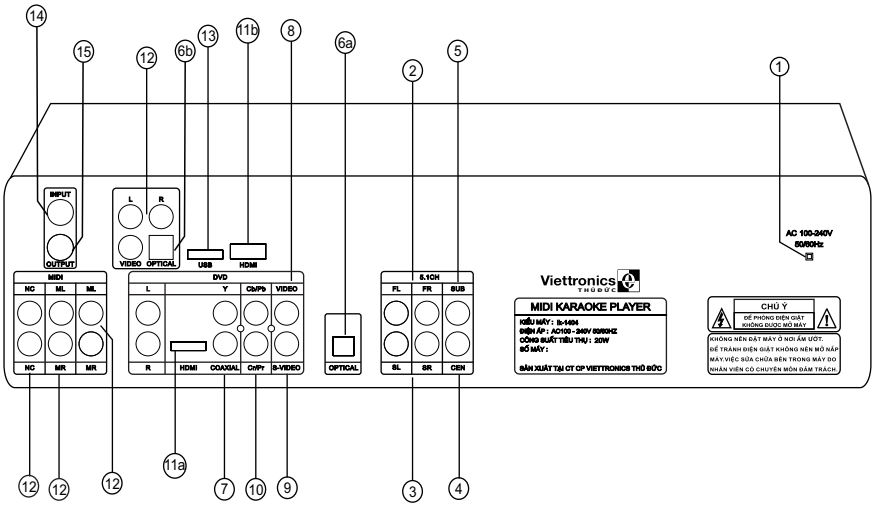

1. Dây nguồn
2. FL, FR: Ngõ ra tín hiệu tiếng kênh trái và phải phía trước
3. SL, SR: Ngõ ra tín hiệu tiếng 2 kênh trái và phải phía sau
4. CEN: Ngõ ra tín hiệu tiếng kênh trung tâm
5. SUB: Ngõ ra tín hiệu tiếng kênh siêu trầm
6a. OPTICAL: Ngõ ra tín hiệu tiếng kỹ thuật số truyền bằng cáp quang cho DVD
6b. OPTICAL: Ngõ ra tín hiệu tiếng kỹ thuật số truyền bằng cáp quang cho đầu thu Kỹ thuật số
7. COAXIAL: Ngõ ra tín hiệu tiếng kỹ thuật số truyền bằng cáp đồng trục
8. VIDEO : Ngõ ra tín hiệu hình composite video
9. S-VIDEO: Ngõ ra tín hiệu hình S-Video
10. Y, Cb/Pb, Cr/Pr: Ngõ ra tín hiệu hình component Y, Pb, Pr
11a. Ngõ ra HDMI cho karaoke, video
11b. Ngõ ra HDMI cho truyền hình kỹ thuật số
12. ML/L, MR/R : Ngõ ra âm thanh trái, phải
13. USB: Khe cắm USB
14. INPUT: Ngõ vào anten
15. OUTPUT: Ngõ ra anten

B. CHI TIẾT

3. Remote

1	POWER	Tắt máy/ mở máy (không tắt hoàn toàn mà chỉ đưa máy về trạng thái chờ)
2	MUTE	Tắt/ mở tiếng
3	EJECT ⏏	Đóng/ mở khay đĩa
4	1st	Chèn bài hát ưu tiên (MIDI)
5	TEMPO +/-	Tăng/ giảm nhịp điệu của nhạc
6	KEY #/ b	Chỉnh tông nhạc để phù hợp với giọng hát của bạn
7	M/F	Chuyển tông Nam/ Nữ (Midi).
8	MELODY(VOCL)	Tắt/ mở giai điệu bài hát hoặc lời ca sĩ
9	▲▼◀▶	Phím di chuyển lên, xuống, trái, phải
10	CHAR-UP/ CHAR-DN	Lựa chọn lên/ xuống theo vần A↔ Z
11	PAGE-UP/ PAGE-DN	Lựa chọn lên/ xuống một trang trong một vần
12	ENTER	Xác nhận các lựa chọn
13	PHÍM từ 0→9	Các phím số
14	MENU (TITLE)	Mở danh sách bài hát hoặc MENU của DVD
15	CANCEL	Huỷ bỏ lựa chọn/ Thoát (DVB)
16	REV ◀◀	Phát lui nhanh (DVD)
17	FWD ▶▶	Phát tới nhanh (DVD)
18	PLAY/PAUSE ▶‖	Phát/ Tạm dừng
19	STOP ■	Dừng phát/ Trở về (DVB)
20	PREV ⏮ CHANNEL UP ∧	Phát track trước đó (DVD) Tăng kênh (DVB)
21	NEXT ⏭ CHANNEL DOWN ∨	Phát track kế tiếp (DVD) Giảm kênh (DVB)
22	SET (SETUP)/PCB	Vào menu cài đặt DVD/ Bật hoặc tắt PCB Bảng tin (DVB)
23	EQ	Điều chỉnh tần số/ Cài đặt chương tr nh (DVB)
24	VOLUME+/-	Tăng/ giảm mức âm lượng
25	OSD	Hiển thị thông tin DVD/ Cài đặt lời chào MIDI Lịch phát (DVB)
26	SLOW	Phát chậm (DVD)
27	ZOOM	Phóng lớn h nh ảnh DVD/ Cài đặt chấm điểm MIDI Hình (DVB)
28	GOTO	Chuyển đến thời gian muốn xem (DVD/VCD) Hỗ trợ (DVB)
29	PROG (PROGRAM)	Phát theo chương tr nh cài đặt trước (DVD) Kênh hay (DVB)
30	AUDIO (L/R)	Lựa chọn track audio trái/ phải (DVD) Hệ tiếng (DVB)
31	A-B KOK-DVB	Phát một đoạn từ A tới B Chuyển chức năng điều khiển Karaoke và DVB-T2
32	SUBT	Tắt mở phụ đề DVD

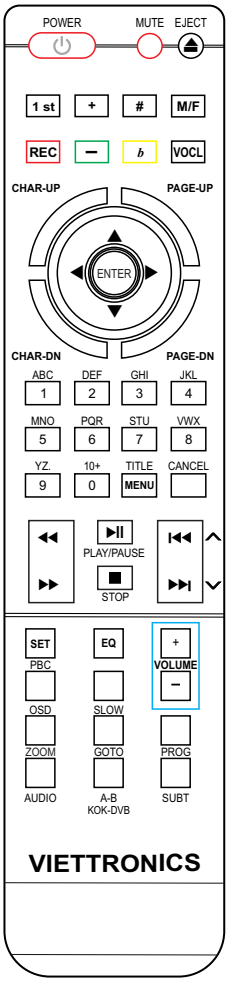

B. CHI TIẾT

4. Blue Control :

4.1. Danh sách bài hát :

• Chạm và giữ bài hát để vào bảng điều khiển của bài hát.
• Chạm **Thêm vào yêu thích** để đưa bài hát vào danh dách yêu thích.
• Chạm **Lưu** để đưa vào danh sách chờ trên đầu máy Karaoke.
• Chạm **Ưu tiên** để chèn bài hát lên đầu tiên trong danh sách chờ.
• Chạm **Chi tiết** để xem thông tin chi tiết trên Karaoke.
• Chạm **Thoát** để thoát khỏi mục đang chọn.

– Các bài hát đ có trong Danh sách yêu thích s ẽ có m s ố màu đỏ.

4.2. Karaoke :

a) Yêu Thích :

Các bài hát đ được chọn làm danh sách yêu thích sẽ được đưa vào mục này.

– Chạm vào **Chọn Tất Cả** để chọn tất cả các bài hát trong danh sách yêu thích.
– Chạm từng bài trong danh sách yêu thích để chọn bài thích nhất trong danh sách.
– Chạm vào **Hát Theo Danh Sách** để phát các bài hát đ được chọn.
– Chọn bài hát và chạm vào **Bỏ Yêu Thích** để hủy bài hát muốn xóa khỏi danh sách yêu thích đ t ạo.

b) Cài Đặt :

– Chạm vào **D T m & Kết Nối Bluetooth** để nhận dạng thiết bị.
Chọn thiết bị tương ứng.
– Chạm vào **Chọn Hiệu** để chọn nh n hi ệu của đầu máy Karaoke.
Chọn hiệu đang sử dụng, nhấn OK để xác nhận.
– Chạm vào **Model** để chọn model của đầu máy Karaoke.
Chọn model đang sử dụng, nhấn OK để xác nhận.
– Chạm vào **OK** để hoàn tất cài đặt.

c) iRem :

Các chức năng tương đương của đầu Karaoke Viettronics.

d) vRem :

Chức năng t m kiếm bài hát bằng giọng nói.

4.3. Tivi Remote :

Các chức năng tương đương Remote đầu thu Kỹ thuật số AVG.

4.4. Game :

Tr ch ơi được mặc định sẵn.

4.5. Information :

Thông tin sản phẩm và cách sử dụng.

B. CHI TIẾT

5. DVB :

Bấm **MENU** để vào bảng điều khiển.
Bấm ▲▼◄► để tùy chọn từng hạng mục.
Bấm **ENTER** để chọn.
Bấm **STOP** để thoát mục đang chọn.
Bấm **CANCEL** để thoát.

5.1. Quản lý kênh :

5.1.1. Lịch phát sóng:

Bấm **ENTER** để xem lịch phát sóng của đài

5.1.2. Danh sách gói kênh :

Bấm **ENTER** để xem danh sách gói kênh

5.1.3. Quản l DS kênh :

▪ Bấm nút màu đỏ trên remote để chọn kênh hay, chọn đài, bấm **ENTER** th kênh được chọn sẽ được lưu vào danh sách kênh hay.

▪ Bấm nút màu xanh lá cây trên remote,bấm **ENTER** để sắp xếp kênh theo tên kênh, tần số, ...

▪ Bấm nút màu vàng trên remote, chọn k t ự, bấm **ENTER** và các tùy chọn khác để đổi tên tùy .

▪ Bấm nút màu xanh dương trên remote:

- Bấm ► để sang danh dách kênh hay vừa tạo, chọn kênh, bấm **OK** để xóa kênh bất kỳ ra khỏi danh sách.

- Chọn kênh trong danh sách kênh, bấm **ENTER** để xóa kênh ra khỏi danh sách. Nếu muốn khôi phục lại kênh đ xóa: b ấm ► để sang danh sách kênh đ xóa, ch ọn kênh, bấm **ENTER** để lấy lại kênh đ xóa.

5.1.4. Danh sách kênh :

Bấm **ENTER** để vào danh sách tất cả các kênh của DVB.

5.2. Thông tin :

Bấm **ENTER** và ▼ để xem thông tin khóa m và thông tin h ệ thống.

5.3. Thiết lập người dùng :

5.3.1. Thiết lập đầu ra A/V :

Bấm **ENTER** và ▼ để thiết lập đầu ra Audio và Video tùy .

5.3.2. Hẹn giờ :

Bấm **ENTER** và ▼ để chọn hẹn giờ cho chương tr nh và hẹn giờ tắt đầu thu tùy .

5.3.3. Thiết lập ngôn ngữ :

Bấm **ENTER** và ▼ để chọn ngôn ngữ hiển thị, ngôn ngữ thuyết minh, phụ đề...

5.3.4. Thiết lập độ trong suốt :

Bấm **ENTER** và ▼ để chọn độ sâu của h nh ảnh được mặc định sẵn.

5.3.5. Thiết lập thời gian :

Bấm **ENTER** và ▼ để định dạng thời gian và múi giờ.

5.3.6. Thiết lập hiển thị :

Bấm **ENTER** và ▼ để thiết lập từng mục tùy .

5.3.7. Thay đổi mật khẩu :

Bấm số từ 0 đến 9 để đặt mật khẩu cho những kênh riêng tư tùy .

5.4. Thiết lập hệ thống :

5.4.1. D t tự động :

Hệ thống tự động d đài tùy theo băng tần đ có c ủa DVB.

5.4.2. D b ằng tay :

Nhập mật khẩu : " 0000 " và chọn tần số, băng thông,... để d đài tùy

5.4.3. Thiết lập anten :

Bấm **ENTER** và ▼ để tùy chọn cài đặt cho ăngten.

5.4.4. Nâng cấp qua USB :

Hệ thống được nâng cấp bằng phiên bản cập nhật mới từ USB.

5.4.5. Nâng cấp qua sóng :

Hệ thống t m kiếm phiên bản mới được cập nhật qua sóng để nâng cấp.

5.4.6. Thiết lập mặc định :

Trở về các cài đặt mặc định ban đầu của DVB.

C. KẾT NỐI

1. Kết nối với TV

1.1 Kết nối ng Video hoặc HDMI

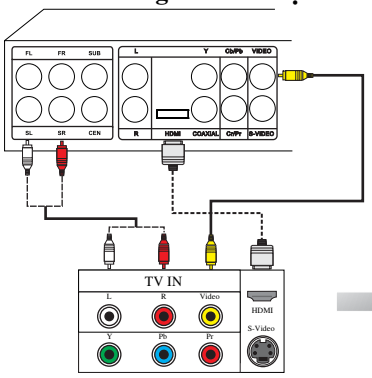

■ Dùng cáp RCA nối ng Video (màu vàng) và ng âm thanh L (trắng)/ R (đỏ) của đầu phát với ng Video IN và L/R IN của TV.

■ Dùng cáp HDMI kết nối từ ngõ HDMI của đầu phát với ngõ HDMI của TV để có được chất lượng hình cao nhất (tích hợp âm thanh).

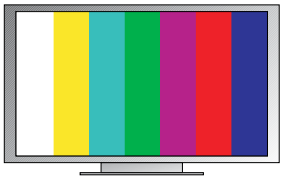

1.2 Kết nối ng S-V ideo

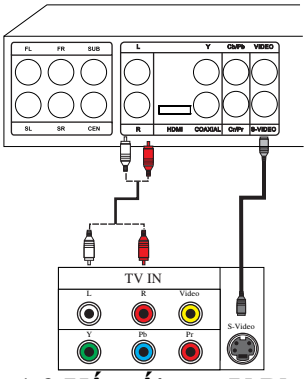

■ Dùng cáp S-Video nối với ng S-V ideo và ng âm thanh L/R của đầu phát với ng S-Video và L/R IN của TV.

■ Lưu :
- Có một số TV không có ng này(S-Video).
- Ng S-Video chỉ cho h nh ảnh, không tích hợp ng âm thanh.

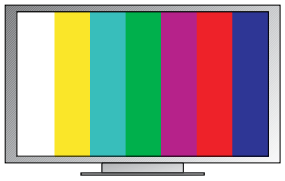

1.3 Kết nối ng Y-Pb-Pr

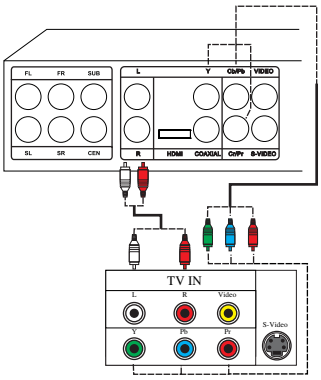

■ Dùng cáp RCA 3 màu (Đỏ, Lục ,Lam) kết nối theo màu từ ng Y-Pb-Pr và L/R của đầu phát với ng Y-Pb-Pr và L/R IN của TV

■ Lưu :
- Một số TV không có ng này(Y-Pb-Pr).
- Ng Y-Pb-PR chỉ cho hình ảnh, không tích hợp ng âm thanh

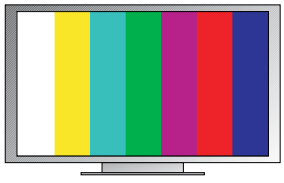

C. KẾT NỐI

2. Nối dây với ampli stereo (2 loa) karaoke

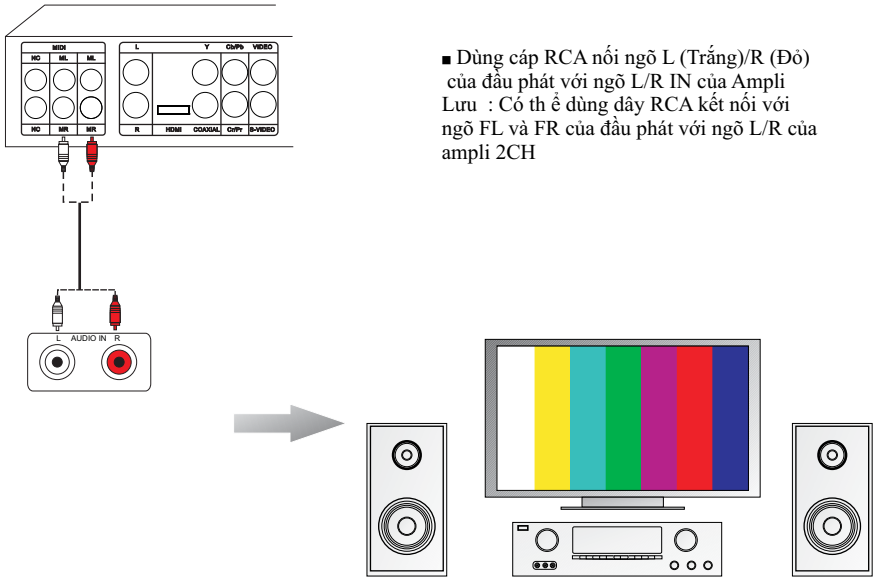

■ Dùng cáp RCA nối ngõ L (Trắng)/R (Đỏ) của đầu phát với ngõ L/R IN của Ampli
Lưu : Có th ể dùng dây RCA kết nối với ngõ FL và FR của đầu phát với ngõ L/R của ampli 2CH

3. Nối dây với ampli 5.1 ng vào t ương tự (analog)

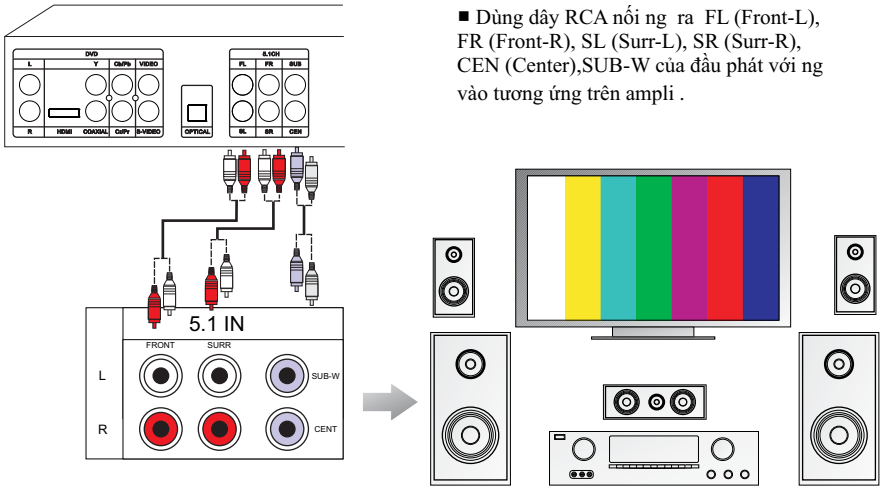

■ Dùng dây RCA nối ng ra FL (Front-L), FR (Front-R), SL (Surr-L), SR (Surr-R), CEN (Center),SUB-W của đầu phát với ng vào tương ứng trên ampli .

C. KẾT NỐI

4. Nối dây với ampli ng vào k ỹ thuật số (digital)

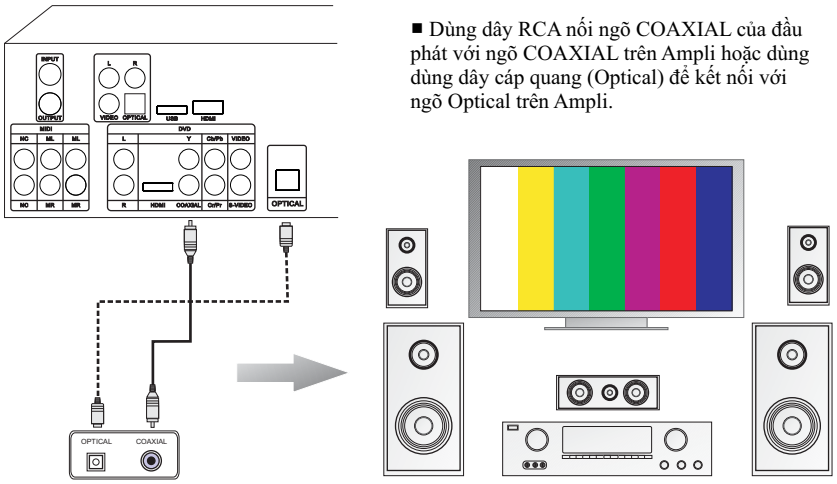

■ Dùng dây RCA nối ngõ COAXIAL của đầu phát với ngõ COAXIAL trên Ampli hoặc dùng dùng dây cáp quang (Optical) để kết nối với ngõ Optical trên Ampli.

Lưu ý :

■ Chỉ sử dụng một trong hai ngõ OPTICAL hoặc COAXIAL.

■ Mở nắp che ngõ OPTICAL, gắn dây cáp chắc chắn vào ngõ OPTICAL(cáp quang).

■ Giữ lại nắp che, khi không sử dụng ngõ này bạn phải đậy lại để tránh bụi.

■ Định dạng tín hiệu ở ng ra s ố.

Loại đĩa	Định dạng âm thanh trên đĩa	Định dạng âm thanh ở ng ra
DVD	Dolby Digital	Dolby Digital bit stream (5.1) hoặc PCM (2CH) (96KHz/24bit)
	Linear PCM (48/96 KHz 16/20/24 bit)	Linear PCM (2CH)(48KHz/16bit) hoặc không có tín hiệu
		Bitstream hoặc không có tín hiệu
Video CD	MPEG1	PCM (44.1KHz)
CD	Linear PCM	Linear PCM (44.1KHz)

■ Âm thanh có tần số lấy mẫu 96KHz được chuyển thành 48KHz để đưa ra ng ra s ố.

■ Mục Ng ra SPDIF ph ải cài đặt trong setup.

C. KẾT NỐI

5. Kết nối USB

- Ng USB m ặt trước hỗ trợ USB Mass Storage V 1.0, V2.0
- Máy có thể phát được các loại file sau:

  - Phim: Mp4, AVI, VOB, DivX...
  - Nhạc: Mp3, WMA
  - Ảnh tĩnh: JPEG

Lưu :

- USB Host chỉ hỗ trợ định dạng FAT 16 và FAT32, máy không hỗ trợ định dạng NTFS.
- USB Host không hỗ trợ được tất cả các loại thiết bị USB.
- Lấy đĩa ra khỏi khay đĩa trước khi sử dụng USB host.
- Cắm USB vào trước sau đó mới bật công tắc nguồn máy sẽ tự động phát

6. Cài đặt kết nối

6.1. Cài đặt HDMI

Khi kết nối ng HDMI v ới HDTV bạn cài đặt ng ra nh ư sau:

- Nhấn nút SETUP trên bộ điều khiển từ xa để vào phần cài đặt (không có đĩa trong khay).
- Dùng các phím mũi tên để chọn và điều chỉnh mục RESOLUTION(Độ phân giải) cho phù hợp với độ phân giải của TV mà bạn có.
- Để cài đặt âm thanh cho HDMI bạn vào mục cài đặt âm thanh chọn HDMI AUDIO sau đó chọn AUTO hoặc PCM theo định dạng của ampli hay TV mà bạn có.
- Nhấn nút SETUP một lần nữa để thoát khỏi phần cài đặt.

6.2. Cài đặt Karaoke

Khi phát đĩa Midi màn hình hiển thị "Mời Bạn Chọn Bài Hát" bạn có thể cài đặt như sau:

- Cài đặt chấm điểm:

Nhấn nút ZOOM lần lượt trên bộ điều khiển từ xa để chọn chế độ chấm điểm lần lượt như: Tắt → Chuyên nghiệp → Ngẫu nhiên.

- Cài Đặt Lời Chào:

Nhấn phím OSD để vào trang cài đặt. Dùng phím ▲▼◄► để chọn k t ự và xuống d ng. Bấm ENTER để xác nhận lựa chọn. Xoá k t ự sai bằng phím CANCEL. Để di chuyển qua lại giữa hai d ng l ời chào nhấn phím|◄◄ .Để thoát nhấn phím OSD máy sẽ lưu lời chào đã chọn một cách tự động.

6.3. Cài đặt MIDI/DVD

Khi kết nối với TV qua ng Y-Pb-Pr và Ampli 5.1 bạn phải cài đặt ng ra nh ư sau:

- Nhấn nút SETUP trên bộ điều khiển từ xa (không có đĩa trong khay).
- Khi kết nối TV qua ng Y-Pb-Pr vào SYSTEM SETUP chọn mục VIDEO sau đó chọn INTERLACE-YUV (hoặc P-SCAN YPBPR nếu TV có hỗ trợ) bấm OK.

Lưu : Khi k ết nối với TV qua ng nào b ạn phải SETUP ng ra c ủa đầu phát theo chuẩn ng đó của TV nếu ng ra không phù hợp sẽ xảy t nh trạng h nh bị mất màu, biến dạng hoặc sai màu, sai tỉ lệ khung h nh.

- Khi kết nối với Ampli 5.1 vào SPEAKER SETUP chọn mục DOWNMIX chọn OFF tiếp theo trong mục SUBWOOFER chọn ON sau đó vào mục CENTER và REAR DELAY để chỉnh thời gian trễ của loa Center và Rear.

Lưu : Để nghe được hiệu ứng 5.1 .Đĩa của bạn phải được hỗ trợ chuẩn âm thanh này

- Kết nối với Ampli qua ngõ Optical (SPDIF) vào AUDIO SETUP chọn AUDIO OUT chọn SPDIF/RAW hoặc SPDIF/PCM tắt chức năng này chọn SPDIF/OFF.

Ghi chú: Trong chế độ SETUP để di chuyển đến các mục cài đặt bạn sử dụng các phím mũi tên ▲ ▼ ◄ ► để xác nhận bấm OK.

D. CÁC SỰ CỐ THƯỜNG GẶP

Khi máy bị sự cố h y ki ểm tra lại theo nội dung hướng dẫn dưới đây. Nếu không hết h y liên l ạc với trạm bảo hành để được hướng dẫn hoặc đem đến trạm bảo hành để sửa chữa. Lưu ng ười sử dụng không tháo nắp để sửa chữa bên trong máy để tránh nguy cơ bị điện giật.

Khay đĩa không mở được	Kiểm tra lại dây nguồn.
Máy không phát đĩa	Đĩa bị trầy xước quá nhiều. Kiểm tra xem đĩa đ được đặt đúng mặt chưa. Mặt có h nh phải hướng lên trên.
Không nguồn	Kiểm tra lại dây nguồn đ c ắm chặt vào ổ điện chưa. Nhấn nút POWER trên mặt máy để mở nguồn.
Không hình	Xem lại phần hướng dẫn kết nối để kết nối máy đúng. Kiểm tra xem TV đ được mở chưa. Nhấn phím AV trên TV cho đến khi nhận được màn h nh DVD.
Hình bị giật	Thỉnh thoảng hình bị vấp đĩa do trầy xước hoặc do chất lượng ghi xấu.
Hình chỉ có màu trắng đen hoặc bị méo dạng hoàn toàn	Kiểm tra lại các dây tín hiệu đ được nối đúng chưa. Kiểm tra lại xem loại đĩa đang sử dụng có tương thích với máy hay không. Kiểm tra lại hệ màu trên TV và hệ màu máy đang phát (PAL, NTSC) .
Không tiếng hoặc tiếng bị méo	Tăng âm lượng trên máy và cả TV hoặc máy tăng âm. Kiểm tra lại dây nối tín hiệu và các cài đặt âm thanh, loa. Kiểm tra lại đĩa xem có hư hỏng hoặc dơ.
Không tiếng khi dùng ngõ ra số	Kiểm tra lại dây nối ngõ ra số. Kiểm tra bộ giải mã của bạn có thể giải mã được định dạng đĩa đang phát hay không, nếu bộ giải m ngoài không có, c ần cài đặt mục Ng ra s ố là PCM.
Âm thanh chất lượng kém	Kiểm tra dây nối với máy tăng âm.
Microphone không có tiếng	Kiểm tra xem microphone đ được mở hay chưa.

D. CÁC SỰ CỐ THƯỜNG GẶP

Remote không điều khiển được	Hướng remote vào vị trí nhận hồng ngoại trên mặt trước của máy. Lại gần máy hơn để điều khiển. Kiểm tra xem pin trên remote có được lắp đúng cực tính. Thay pin cho remote.
Các phím trên mặt máy không điều khiển được	Tắt nguồn bằng nút Power trên mặt máy, đợi khoảng 5 đến 10 giây, mở nguồn trở lại.
Máy không đáp ứng vài lệnh từ remote	Một vài lệnh sẽ không thực hiện được trên từng loại đĩa khác nhau.
Phụ đề ngôn ngữ không thay đổi được	Chức năng này phụ thuộc vào đĩa DVD của bạn.
Góc nhìn không thay đổi được	Chỉ thay đổi góc nhìn được trên các đoạn phim DVD có hỗ trợ chức năng này.
Khi phát đĩa DVD, nhấn phím MENU nhưng màn hình không hiện menu	Tùy từng đĩa, có những đĩa không có menu.
Không thay đổi được tỉ lệ hình 16:9, 4:3 P/S, 4:3 LB	Nếu đĩa hình có tỉ lệ 4:3 bạn không thể thay đổi được tỉ lệ hình.
Máy không chấm điểm	Kiểm tra xem mục Chế độ karaoke trong Trang Karaoke đã được chọn là Chấm điểm.
Loa hú khi mở microphone	Để microphone xa ra loa. Không hướng microphone về phía loa.
Máy không đọc được phim MPEG4	Có một số định dạng MPEG4 máy không thể đọc được.
Máy không nhận dạng được ổ đĩa USB/ Thẻ nhớ ngoài	Rút thẻ nhớ ngoài ra khỏi máy và cắm lại. Kiểm tra xem thẻ nhớ ngoài đã được gắn chặt vào cổng. Kiểm tra xem thẻ nhớ/ USB có bị hư không.

E. ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT

<table>
<tr><td>Tổng quát</td><td>Nguồn sử dụng : AC 100-240V. 50/60Hz.
Công suất tiêu thụ : 15 - 20W.
Trọng lượng : 2.3Kg (iK-1401), 2.5Kg (iK-1402, iK-1403), 2.8Kg (iK-1404, iK-1405).
Điều kiện nhiệt độ môi trường : +5 ~ +38^{0}C.
Điều kiện độ ẩm môi trường : 10% ~ 75%.
Các loại đĩa có thể sử dụng : MIDI KARAOKE DVD, VCD KARAOKE,
DVD KARAOKE, KARAOKE CDG, DVD, DVD-R/RW, VCD, SVCD,
Audio CD, CD-R/RW, MP3 CD, CDG, MPEG4 and JPEG.</td></tr>
<tr><td>Đĩa</td><td><table>
<tr><td>Loại đĩa</td><td>Tốc độ đọc đĩa</td><td>Thời gian phát</td></tr>
<tr><td>DVD(Single layer Disc)</td><td>~3.49~4.06m/giây</td><td>~135 phút</td></tr>
<tr><td>CD(12cm)</td><td>~4.8~5.6m/giây</td><td>~74 phút</td></tr>
<tr><td>CD(8cm)</td><td>~4.8~5.6m/giây</td><td>~ 20 phút</td></tr>
<tr><td>VCD(12cm)</td><td>~4.8~5.6m/giây</td><td>~74 phút (video+audio)</td></tr>
</table></td></tr>
<tr><td>Video</td><td>C-Video : 1.0Vpp (75Ω).
S-Video : Tín hiệu chói: 1.0Vpp (75Ω).
Tín hiệu màu: 0.3Vpp (75Ω).
Component video : Y : 1.0Vpp (75Ω).
Pb: 0.5Vpp (75Ω).
Pr: 0.5Vpp (75Ω).
Video : Progressive Scan (480p/576p/720p/1080I/1080P).
Hệ màu : PAL & NTSC.</td></tr>
<tr><td>Audio</td><td><table>
<tr><td>DA Converter 24bit</td><td>Tần số lấy mẫu 96KHz</td><td>Đáp ứng tần số 4Hz-44KHz</td></tr>
<tr><td>DVD</td><td>48KHz</td><td>4Hz-22KHz</td></tr>
<tr><td>SVCD</td><td>48KHz</td><td>4Hz-22KHz</td></tr>
<tr><td>CD/ VCD</td><td>44.1KHz</td><td>4Hz-20KHz</td></tr>
</table></td></tr>
<tr><td>Ngõ ra audio</td><td>Ngõ ra 5.1 kênh: F/L, F/R, C, S/W, R/L, R/R
Ngõ ra số Optical: -18dB, bước sóng: 660ηm
Ngõ ra số Coaxial: 0.5Vpp
Đáp ứng tần số: Tần số lấy mẫu 48 KHz: 4 Hz - 22 KHz
Tần số lấy mẫu 96 KHz: 4 Hz - 44 Khz
S/N: (1 KHz) 72dB
Dải động: (1 KHz) 100dB
Xuyên kênh: (1 KHz) 105dB
THD: 0.1%</td></tr>
<tr><td>Microphone</td><td>2 ngõ vào MIC</td></tr>
</table>